

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2023/HS-ST
Ngày: 27-7-2023

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN - TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Thọ và bà Lê Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Thê Nữ Diệu Hiền - Thư ký của
Toà án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn tham gia phiên
tòa:** Bà Đặng Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy
Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số
114/2023/TLST-HS ngày 06/7/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
124/2023/QĐXXST-HS ngày 13/7/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Văn S**; sinh năm 1993 tại thành phố Q, tỉnh Bình Định; Nơi
cư trú: xã P, thành phố Q, tỉnh Bình Định; Nghề nghiệp: Nông; Trình độ học
vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo:
Không; Con ông: Lê Vĩnh T (chết) và bà: Đào Thị E, sinh năm 1960; Vợ:
Nguyễn Thị Mỹ D (đã ly hôn), có 01 người con sinh năm 2020; Tiền sự: Không;
Tiền án: Ngày 28/7/2021 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xử phạt 18 tháng
cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, chấp hành xong ngày 10/02/2023;
Nhân thân: Ngày 24/7/2012 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xử phạt 24 tháng
tù về tội “Cố ý gây thương tích”, chấp hành xong ngày 30/8/2013; Bị cáo bị bắt
tạm giam từ ngày 05/5/2023; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Anh Nguyễn Ngọc Q, sinh năm: 1973 và chị Lê Thị N, sinh năm: 1976
(Có mặt).

Đồng trú tại: xã P, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

- Người làm chứng:

Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm: 2003 (vắng mặt).

Trú tại: xã P, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Bà Võ Thị D, sinh năm: 1970 (vắng mặt).

Trú tại: xã P, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 24/12/2022, Lê Văn S điều khiển xe mô tô 77L1-298.30 (do Nguyễn Thị Mỹ D làm chủ sở hữu) chở con gái S đến gửi nhà bà Võ Thị D rồi S đi về nhà. Trên đường đi về, S ghé nhà vợ chồng anh Nguyễn Ngọc Q, chị Lê Thị N (chị ruột của S) để lấy cây xà beng mà chị N đã mượn của S trước đó. Khi đến nhà chị N, S thấy cửa sắt kéo của căn nhà không khóa, không có ai ở nhà nên S nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của chị N. S vào bên trong nhà thấy cửa sắt kéo bên trong phòng để xe đóng bằng ổ khóa nên lấy cây xà beng của chị N để ở góc phòng để xe cạy bung ổ khóa cửa sắt kéo rồi đột nhập vào nhà chị N. S dùng tay đẩy mạnh làm bung chốt cửa phòng ngủ của chị N rồi vào trong phòng tìm tài sản. S thấy cửa tủ gỗ đựng quần áo bị khóa nên S đẩy ngã tủ quần áo xuống rồi dùng tay kéo mạnh mặt sau của tủ gỗ ra tìm kiếm tài sản bên trong thì phát hiện số tiền 30.000.000 đồng và một số trang sức vàng gồm 18 chiếc nhẫn, 09 vòng đeo tay nữ loại Simen, 01 đôi khuyên tai của vợ chồng chị N, anh Q nên lấy các tài sản này bỏ vào túi áo khoác rồi tẩu thoát. S đem tài sản trộm được về nhà cất giấu. Ngày 25/12/2022, S đem số trang sức vàng gồm 18 chiếc nhẫn, 09 vòng đeo tay nữ loại Simen, 01 đôi khuyên tai về nhà bà D cất giấu, còn số tiền 30.000.000 đồng thì S cất trong túi quần treo ở hành lang trong nhà của S. Đến ngày 26/12/2022, S đến Cơ quan CSĐT Công an TP. Quy Nhơn tự thú về hành vi phạm tội của S.

Ngày 02/3/2023, Phân viện Khoa học hình sự tại Đà Nẵng kết luận:

- 09 (chín) vòng đeo tay bằng kim loại vàng, đồng, bạc, màu vàng; mỗi vòng đeo tay đều có hàm lượng: vàng là 61%, đồng là 23.8%, bạc là 15.2%; tổng khối lượng là 23.92 gam;

- 04 (bốn) chiếc nhẫn bằng kim loại, màu vàng, đều có kim loại vàng và bạc; mỗi chiếc nhẫn có hàm lượng: vàng là 99.9%, bạc là 0.1 %; tổng khối lượng là 15 gam;

- 11 (mười một) chiếc nhẫn bằng kim loại vàng, bạc; mỗi chiếc nhẫn có hàm lượng: vàng là 97%, bạc là 3 %; tổng khối lượng là 41.2 gam;

- 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại vàng, đồng, bạc; có hàm lượng: vàng là 61 %, đồng là 22%, bạc là 17% với tổng khối lượng là 2.89 gam;

- 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại vàng, đồng, bạc, màu vàng, mặt nhẫn có hình “thời vàng”, có hàm lượng: vàng là 61%, đồng là 23%, bạc là 16% với khối lượng là 2.98 gam;

- 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại bạc, đồng, kẽm, màu trắng bạc; có hàm lượng: bạc là 91.2 %, đồng là 6.4 %, kẽm là 2.4% với khối lượng là 4.39 gam;

- 01 (một) đôi bông tai bằng kim loại vàng, bạc, đồng; mỗi bông tai có hàm lượng: vàng là 61 %, bạc là 21.4 %, đồng là 17.6 % với tổng khối lượng là 1.61 gam.

Ngày 28/3/2023, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Quy Nhơn kết luận:

- 09 (chín) vòng đeo tay nữ loại Simen bằng kim loại vàng, đồng, bạc, màu vàng; mỗi vòng đeo tay đều có hàm lượng: vàng là 61%, đồng là 23.8%, bạc là 15.2% với tổng khối lượng là 23.92 gam trị giá 22.325.000 đồng;

- 04 (bốn) chiếc nhẫn bằng kim loại vàng, bạc, màu vàng, được đựng trong hộp có in chữ “PNJ”; mỗi chiếc nhẫn có hàm lượng: vàng là 99.9%, bạc là 0.1 % với tổng khối lượng là 15 gam trị giá 21.160.000 đồng;

- 11 (mười một) chiếc nhẫn bằng kim loại vàng, bạc, màu vàng, bên trong mỗi chiếc nhẫn đều có ghi “97%”; mỗi chiếc nhẫn có hàm lượng: vàng là 97%, bạc là 3 % với tổng khối lượng là 41.2 gam trị giá 55.000.000 đồng;

- 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại vàng, đồng, bạc, màu vàng, mặt trên có đính các hạt màu trắng, có hàm lượng: vàng là 61%, đồng là 22%, bạc là 17% với tổng khối lượng là 2.89 gam trị giá 2.695.000 đồng;

- 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại vàng, đồng, bạc, màu vàng, mặt nhẫn có hình “thỏi vàng”, có hàm lượng: vàng là 61%, đồng là 23%, bạc là 16% với khối lượng là 2.98 gam trị giá 2.782.500 đồng;

- 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại bạc, đồng, kẽm, màu trắng bạc, mặt trên có đính các hạt màu trắng, có hàm lượng: bạc là 91.2%, đồng là 6.4%, kẽm là 2.4% với khối lượng là 4.39 gam trị giá 100.000 đồng;

- 01 (một) đôi bông tai bằng kim loại vàng, bạc, đồng, màu vàng, có khắc nhiều lỗ nhỏ, mỗi bông tai có hàm lượng: vàng là 61%, bạc là 21.4%, đồng là 17.6% với tổng khối lượng là 1.61 gam trị giá 1.505.000 đồng.

Tổng trị giá số trang sức là 105.567.500 đồng.

Về vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an TP. Quy Nhơn tạm giữ số tiền 30.000.000 đồng; 18 chiếc nhẫn, 09 vòng đeo tay nữ loại Simen, 01 đôi khuyên tai và đã lại cho chị Lê Thị N. Hiện đang tạm giữ 01 cây xà beng của chị Lê Thị N.

Về dân sự: Vợ chồng anh Nguyễn Ngọc Q, chị Lê Thị N đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

- Tại bản cáo trạng số 200/CT-VKSQN ngày 04/7/2023 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn truy tố bị cáo Lê Văn S về tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo Lê Văn S thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố nên Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s, r

khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn S từ 03 năm tù đến 04 năm tù.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 cây xà beng dài 108 cm, đã qua sử dụng.

Bị cáo tự bào chữa: Bị cáo Lê Văn S thừa nhận hành vi phạm tội, không bào chữa.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất hối hận, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Quy Nhơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo Lê Văn S là người có đầy đủ sức khỏe, có trình độ học vấn, đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình nên biết rất rõ tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đều được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh, nhưng với ý thức xem thường pháp luật nên vào khoảng 07 giờ 00 phút ngày 24/12/2022, bị cáo dùng xà beng cạy cửa nhà của anh Nguyễn Ngọc Q và chị Lê Thị N đột nhập vào bên trong lén lút chiếm đoạt của vợ chồng chị N, anh Q số tiền 30.000.000 đồng và số trang sức vàng gồm 18 chiếc nhẫn, 09 vòng đeo tay nữ loại Simen, 01 đôi khuyên tai. Sau khi trộm cắp được số tài sản trên, bị cáo cất giấu số tiền 30.000.000 đồng tại nhà của mình, mang toàn bộ số trang sức đến nhà mẹ vợ là bà Võ Thị D cất giấu. Ngày 28/3/2023, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự kết luận: 18 chiếc nhẫn, 09 vòng đeo tay nữ loại Simen, 01 đôi khuyên tai có tổng trị giá là 105.567.500 đồng.

Như vậy, số tài sản bị cáo lén lút chiếm đoạt có tổng trị giá là 135.567.500 đồng nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn truy tố bị cáo Lê Văn S về tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung hình phạt “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội.

[3] Hành vi do bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, trị an ở địa phương nên phải xử phạt bị cáo một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội do bị cáo gây ra mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy rằng:

4.1. Bị cáo có nhân thân xấu.

4.2. Bị cáo là người đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội do cố ý nên đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

4.3. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai báo thành khẩn, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã tự thú, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, tại phiên tòa, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vợ chồng bị cáo đã ly hôn, bản thân bị cáo đang nuôi con còn nhỏ nên Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo một mức án có lý có tình để bị cáo an tâm cải tạo tốt sớm tái hòa nhập với cộng đồng.

[5] Về bồi thường thiệt hại: Vợ chồng anh Nguyễn Ngọc Q và chị Lê Thị N đã nhận lại toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt, anh chị không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đang thu giữ 01 cây xà beng của bị hại. Anh Nguyễn Ngọc Q và chị Lê Thị N không yêu cầu nhận lại, hiện không có giá trị kinh tế nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Bị cáo bị kết án về tội: “Trộm cắp tài sản” nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Về các vấn đề khác: Bị cáo mang số tài sản trộm cắp được cất giấu tại nhà bà Võ Thị Dư, bà Dư không biết việc này nên không phạm tội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Văn S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.
2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lê Văn S **30 (ba mươi)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 05/5/2023.
3. Về xử lý vật chứng: Trả lại cho anh Nguyễn Ngọc Q và chị Lê Thị N: 01 cây xà beng bằng sắt dài 108 cm, đã qua sử dụng.
(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 26/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định).
4. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.
5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND TP. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS TP. Quy Nhơn;
- CQ THAHS CA TP. Quy Nhơn;
- CQ CSĐT CA TP. Quy Nhơn;
- Đội ĐTTH CA TP. Quy Nhơn;
- Đường sự;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hồng Diễm